

QUYỀN TÁC GIẢ, CẤP PHÉP VÀ GIẤY PHÉP CC

Cao Kim Ánh*

Bài này trao đổi một vài nhận xét về quyền tác giả, hai cơ chế hỗ trợ truy nhập và khai thác tác phẩm được bảo hộ: quản lý tập thể và giấy phép Creative Commons CC.

1. QUYỀN TÁC GIẢ

Quyền tác giả (copyright) là quyền đối với một loại tài sản tư đặc biệt – các sản phẩm sáng tạo (gọi chung là tác phẩm), và được coi là một trong các quyền con người cơ bản nhất.

Công ước Bern về “Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật” (Đạo luật Paris, ngày 24 tháng 7 năm 1971, Sửa đổi ngày 28 tháng 9 năm 1979) [1] là công ước quốc tế cơ bản về bảo hộ quyền tác giả, có hiệu lực tại Việt Nam từ 26-10-2004. Các quốc gia cam kết tham gia công ước phải xây dựng bộ luật tương thích với công ước này.

Luật về quyền tác giả của Việt Nam nằm ở Phần 2 bộ luật Sở hữu trí tuệ 2005 [3], bổ sung sửa đổi 2009, quy định cụ thể về các quyền thuộc quyền tác giả, và việc bảo hộ chúng.

* - TS. Phó Trường Khoa Toán tin, Trường Đại học Thăng Long.

- Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam (VIETRRO) .

Theo Luật này, quyền tác giả được bảo hộ đối với các “Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào” (khoản 7 điều 1).

• Điều 1 khoản 2 liệt kê cụ thể các tác phẩm được bảo hộ về quyền tác giả, bao gồm:

a) Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;

b) Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác;

c) Tác phẩm báo chí;

d) Tác phẩm âm nhạc;

đ) Tác phẩm sân khấu;

e) Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh);

g) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;

h) Tác phẩm nhiếp ảnh;

i) Tác phẩm kiến trúc;

k) Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học;

l) Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian;

m) Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

Tác phẩm được bảo hộ phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác. Ở đây,

• Sao chép là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào,

bao gồm cả việc lưu trữ thường xuyên hoặc tạm thời tác phẩm dưới hình thức điện tử.[Điều 1, khoản 10]

- Tác phẩm phái sinh là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.[Điều 1, khoản 8]

Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.

Các Điều 18, 19, 20 quy định cụ thể các quyền trong quyền tác giả, và việc sử dụng chúng:

- “[Điều 18]. Quyền tác giả đối với tác phẩm quy định tại Luật này bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản”

- [Điều 19] ... “Quyền nhân thân bao gồm các quyền sau đây:

1. Đặt tên cho tác phẩm;

2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”.

- [Điều 20] “Quyền tài sản

1. Quyền tài sản bao gồm các quyền sau đây:

- a) Làm tác phẩm phái sinh;

- b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;

- c) Sao chép tác phẩm;

d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;

đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;

e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

2. Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3 Điều 19 của Luật này phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.”

Như vậy, theo luật bảo hộ này tác giả và chủ sở hữu quyền giữ độc quyền với toàn bộ các quyền tác giả đối với tác phẩm của mình (all rights reserved), người dùng muốn khai thác, sử dụng phải xin phép và trả tiền cho tác giả và chủ sở hữu, trừ các trường hợp “ngoại lệ” quy định những trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao sau đây [Điều 25]

“1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:

a) Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân;

b) Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình;

c) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu;

d) Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại;

đ) Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu;

e) Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào;

g) Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy;

h) Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó;

i) Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;

k) Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

3. Việc sử dụng tác phẩm trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính”.

2. CƠ CHẾ HỖ TRỢ TRUY NHẬP, SỬ DỤNG TÁC PHẨM VÀ SÁNG TẠO

Có thể nhận thấy Luật Bảo hộ quyền tác giả chủ yếu nhằm mục đích bảo vệ lợi ích hợp pháp cho tác giả và chủ sở hữu quyền (trong trường hợp tác phẩm công bố thì là các nhà xuất bản).

Mặt khác, quyền được tiếp cận đến tri thức cũng thuộc quyền cơ bản của con người, nói riêng để sáng tạo ra các tác phẩm mới. Trong các hoạt động như nghiên cứu, giáo dục, sử dụng, khai thác các tác phẩm sáng tạo là một việc bắt buộc và phải thực hiện thường xuyên. Các “ngoại lệ” nói trong Điều 25 không đủ để thực hiện các công việc này, đặc biệt đối với việc sao chép, làm tác phẩm phái sinh và truyền đạt đến công chúng. Việc “xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả” trên thực tế là việc không khả thi hoặc rất phức tạp. Thí dụ đối với việc sao chép tác phẩm để học tập trong các nhà trường, cá nhân các tác giả và chủ sở hữu quyền không có khả năng cấp phép và thu tiền cho từng người sử dụng, còn các nhà trường không có khả năng xin phép từng trường hợp sao chép đối với từng chủ sở hữu quyền tác giả. Thiếu một cơ chế cho phép người dùng truy cập đến tác phẩm và sử dụng chúng theo yêu cầu công việc một cách hiệu quả và thuận tiện là nguyên nhân chính dẫn đến vi phạm quyền tác giả. Trong thế giới số, tình trạng này càng phức tạp hơn.

Để xử lý các vấn đề trên đây, hiện nay có hai mô hình chính được áp dụng.

2.1. Mô hình quản lý tập thể quyền thông qua các tổ chức đại diện

Có thể gọi mô hình này là mô hình “xin phép” gián tiếp.

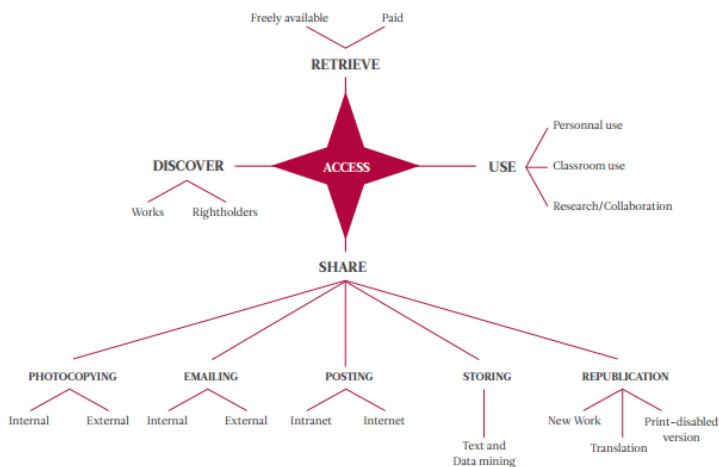
Một trong các cơ chế hiệu quả để xử lý vấn đề xin phép và trả thù lao là mô hình “quản lý tập thể quyền”. Cá nhân chủ sở hữu quyền không trực tiếp cấp phép, mà ủy thác một số hoặc tất cả các quyền (trừ các quyền nhân thân quy định trong các khoản 1 và 2 Điều 19, là các quyền không được chuyển giao) đối với tác phẩm của mình (một số hoặc tất cả) cho các tổ chức đại diện để các tổ chức này (thường gọi là các tổ chức quản lý tập thể quyền) thực hiện cấp phép cho người dùng. Người dùng không trực tiếp xin phép từng chủ sở hữu quyền đối với

từng tác phẩm cụ thể, mà xin phép tổ chức đại diện cho họ khai thác tác phẩm trong kho tác phẩm ủy thác. Đây là cơ chế “một cửa” cho việc xin và cấp phép sử dụng tác phẩm. Các tổ chức quản lý tập thể quyền là các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động vì lợi ích của cả hai phía, giới sáng tạo và người sử dụng.

Kho tác phẩm mà các tổ chức này được ủy thác thường chứa các tác phẩm có giá trị cao và được khai thác nhiều. Tổ chức quản lý tập thể thực hiện việc cấp phép và thu được các khoản thù lao trên cơ sở đàm phán với người sử dụng, và chuyển giao cho tác giả và chủ sở hữu, sau khi giữ lại chi phí đủ để bù đắp cho công tác quản lý. Người dùng được đảm bảo là sử dụng tác phẩm đúng luật, và với mức chi phí hợp lý. Đối với những tổ chức quản lý tập thể có kho tác phẩm được ủy thác tốt, người dùng được lợi do có cơ hội tiếp cận với kho tác phẩm có giá trị và được hưởng các dịch vụ đáp ứng các yêu cầu sử dụng của mình, để tiếp tục các hoạt động sáng tạo ra tác phẩm mới. Tác phẩm mới này nếu được người dùng, với tư cách tác giả, ủy thác tiếp cho tổ chức quản lý tập thể thì nó lại đóng góp vào kho tác phẩm được khai thác theo cùng cách.

Một trong các ví dụ về mô hình này là “Learning Field” [4] do Tổ chức Copyright Agency của Úc cung cấp, cho phép giáo viên và học sinh tiếp cận và sử dụng theo yêu cầu các tác phẩm của các Nhà xuất bản và cung cấp nội dung có uy tín.

Liên đoàn quốc tế các tổ chức quyền sao chép (IFRRO) đã đề xuất mô hình “truy nhập liền mạch” [5], cho phép người dùng tìm kiếm, lấy về, sử dụng và chia sẻ các tác phẩm cần thiết, xử lý các vấn đề về quyền tác giả nếu có liên quan đến sao chép, làm tác phẩm phái sinh, phân phối lại tác phẩm mới, v.v... Sơ đồ này là trong suốt về mặt quyền tác giả theo nghĩa người dùng không cần biết các vấn đề liên quan đến quyền tác giả.



Các mô hình trên đây thực tế là các portal cho phép người dùng và tác giả trao đổi việc sử dụng tác phẩm, giúp hai bên giải quyết các vấn đề bản quyền nếu có theo các sơ đồ luật pháp hiện hành. Đây là mô hình khả thi duy nhất cho việc sử dụng tác phẩm dạng như photocopy tài liệu trong các đơn vị lớn như trường học, công ty, khi mà tác giả không có khả năng theo dõi và quản lý việc sao chép tác phẩm của mình, và người dùng không có khả năng xin phép tất cả các tác giả có tác phẩm.

Việc cấp phép tác phẩm dưới dạng số theo mô hình trên gặp nhiều thách thức. Hai trở ngại lớn nhất là: các tác giả có thể tự quản lý tác phẩm số với sự giúp đỡ của các phương tiện kỹ thuật, thí dụ công cụ DRM, không cần ủy thác cho tổ chức đại diện. Trở ngại thứ 2 là các tổ chức cấp phép chưa có giải pháp hữu hiệu kiểm soát tội phạm công nghệ (bẻ khóa, v.v.)

2.2. Giấy phép Creative Common (CC) [2]

Tiếp cận của giấy phép CC hoàn toàn khác, có thể gọi là mô hình (tác giả) “cấp phép” trực tiếp.

Các giấy phép CC có các tính năng quan trọng chung: giúp người sáng tạo - người cấp phép - giữ được tác quyền, trong khi cho phép người khác sao chép, phân phối, và sử dụng tác phẩm - ít nhất là phi thương mại. Mỗi giấy phép CC cũng đảm bảo cho người cấp phép được ghi công (credit) họ xứng đáng được hưởng đối với tác phẩm của họ. Giấy phép CC có phạm vi áp dụng toàn cầu và trong phạm vi tác quyền được áp dụng (vì chúng được xây dựng trên cơ sở quyền tác giả). Trên cơ sở các tính năng chung này người cấp phép có thể chọn cấp giấy phép bổ sung khi quyết định cách họ muốn tác phẩm của mình sẽ được sử dụng.

Ngoài ghi công, hai quyền cơ bản được xem xét cấp ở đây là: sử dụng thương mại và làm tác phẩm phái sinh. Nếu người cấp phép quyết định cho phép làm tác phẩm phái sinh, họ cũng có thể chọn để yêu cầu rằng bất cứ ai sử dụng tác phẩm - gọi là người được cấp phép – phải làm sao để tác phẩm phái sinh mới có thể được sử dụng theo cùng các điều khoản giấy phép ban đầu. Ý tưởng này được gọi là “Chia sẻ tương tự” và nó là một trong những cơ chế (nếu được chọn) giúp phát triển theo thời gian các nội dung kỹ thuật số chung. Chia sẻ tương tự được lấy cảm hứng từ giấy phép GNU General Public, được sử dụng bởi nhiều dự án phần mềm tự do nguồn mở.

Có 6 loại giấy phép CC:

- BY: ghi công
- BY-NC: ghi công – phi thương mại
- BY-ND: ghi công – không phái sinh
- BY-NC-ND: ghi công – phi thương mại – không phái sinh
- BY-SA: ghi công – chia sẻ tương tự
- BY-NC-SA: ghi công – phi thương mại – chia sẻ tương tự.

- Theo CC, có 3 lớp công cụ phục vụ cho các giấy phép CC: Legal Code – cho các chuyên gia luật quyền tác giả, Human Readable – giao diện cho người dùng, và Machine Readable – giao diện cho thiết bị đọc.



Việc quản lý các quyền có thể được thực hiện “tự động” nhờ các phương tiện phần mềm. Quyền tối thiểu mà tác giả giữ lại là “ghi công” – tương đương với “quyền được ghi danh” – một quyền nhân thân không thể được chuyển giao theo Luật về quyền tác giả.

Các giấy phép BY-SA (ghi công – chia sẻ tương tự) và BY-NC-SA (ghi công – phi thương mại – chia sẻ tương tự) tạo ra các cộng đồng sáng tạo nội dung “tập thể”, OER chủ yếu được tạo ra bằng các giấy phép CC này.

Giấy phép CC dành cho việc quản lý quyền tác giả trong môi trường số, và thường bao gồm cả giấy phép sử dụng bản quyền, các nội

dung được tạo ra bằng giấy phép đó, và các công cụ phần mềm để thực hiện các công việc liên quan.

Lưu ý rằng giấy phép CC không ảnh hưởng đến quyền tự do truy cập và sử dụng tác phẩm khác mà luật pháp trao cho người sử dụng, thí dụ như các trường hợp ngoại lệ và giới hạn quyền nói trong Điều 25 Luật SHTT Việt Nam. Giấy phép CC không loại trừ việc những người được cấp phép phải xin giấy phép để thực hiện bất cứ điều gì thuộc độc quyền đối với tác phẩm mà không được cho phép một cách tường minh. Người được cấp phép phải có được giấy phép từ người cấp phép, giữ nguyên vẹn các thông báo bản quyền trên tất cả các bản sao của tác phẩm, và chỉ ra liên kết đến giấy phép trên các bản sao của tác phẩm. Người được cấp phép không thể sử dụng biện pháp công nghệ để hạn chế truy cập đến việc truy cập tác phẩm của những người khác [2].

3. MỘT SỐ NHẬN XÉT

- Mô hình quản lý tập thể cho phép xử lý hầu như tất cả các vấn đề sử dụng tác phẩm liên quan đến quyền tác giả. Tuy nhiên, tác giả cần phải ủy thác tác phẩm và các quyền đối với tác phẩm cho tổ chức quản lý tập thể, và người dùng phải xin phép các tổ chức này. Đây là cách quản lý “gián tiếp”, với tất cả 9

- các thủ tục xin phép.

Tuy vậy, giấy phép CC không tự đem đến sự đền bù trực tiếp về lợi ích kinh tế cho tác giả. Việc sử dụng các độc quyền tác phẩm ngoài giới hạn của các giấy phép CC vẫn đòi hỏi người sử dụng phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả.

- Giấy phép CC cho phép tạo ra cộng đồng sáng tạo các nội dung số, là một trong các cách thức hiệu quả để tạo nên các tài nguyên giáo dục mở (OER).

Vấn đề là làm sao mở rộng được thị phần của OER trong thị trường các tài nguyên dùng cho giáo dục (ER) nói chung.

- Mô hình “truy nhập liền mạch” [5] có thể kết hợp cả hai tiếp cận quản lý tập thể quyền và sử dụng giấy phép CC.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước Bern về Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật. <http://cov.gov.vn>
2. CC – About the licenses. <https://creativecommons.org/licenses/>
3. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005, [http:// cov.gov.vn](http://cov.gov.vn)
4. Learning Field. <https://learningfield.com.au/>
5. A quick Guide on seamless access to content and how RROs help to enable it. <http://www.ifrro.org/sites/default/files/seamless-access-quickguide2013.pdf>